

CHÍNH SÁCH SÁCH GIÁO KHOA CỦA VIỆT NAM TRONG BỐI CẢNH QUỐC TẾ – HÀM Ý CHÍNH SÁCH CHO MỘT HỆ THỐNG TRONG GIAI ĐOẠN CHUYỂN ĐỔI

Nguyễn Minh Đức¹

Trong vai trò là một công cụ sư phạm và phương tiện truyền tải tri thức cốt lõi, sách giáo khoa (SGK) luôn giữ một vị trí trung tâm trong bất kỳ hệ thống giáo dục nào. Nó không chỉ định hình nội dung học tập mà còn phản ánh triết lý giáo dục, mục tiêu phát triển và bối cảnh chính trị-xã hội của một quốc gia. Vì vậy, chính sách về SGK, từ khâu biên soạn, xuất bản đến phân phối và sử dụng, là một đòn bẩy quan trọng trong các nỗ lực cải cách giáo dục. Trong vòng ba đến bốn thập kỷ qua, bối cảnh chính sách SGK toàn cầu đã chứng kiến một sự chuyển dịch mang tính cấu trúc, từ mô hình nhà nước độc quyền, tập trung sang các mô hình tự do hóa, cạnh tranh và đa dạng hơn (Smart, A., & Jagannathan, S, 2018; Tâm N.T và cộng sự, 2024a). Xu hướng này đặc biệt rõ nét tại các quốc gia thuộc Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD), nơi thị trường mở và danh mục SGK được phê duyệt đã thay thế hệ thống tập trung do nhà nước kiểm soát và cũng đang ngày càng lan rộng tại châu Á (Smart, A. & Jagannathan, S.2018).

Trong bối cảnh chung đó, Việt Nam đã khởi xướng một trong những thay đổi chính sách mang tính bước ngoặt nhất trong lịch sử giáo dục hiện đại của mình: chủ trương “xã hội hóa” (XHH) việc biên soạn SGK. Đây không phải là một sự thay đổi đơn lẻ, mà là một hợp phần quan trọng trong chiến lược “đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo” được đề ra tại Nghị quyết số 29-NQ/TW của Đảng (Tâm N.T và cộng sự, 2024b). Chủ trương này đã được thể chế hóa một cách chính thức trong Luật Giáo dục năm 2019, đánh dấu sự chấm dứt của cơ chế “một chương trình, một bộ SGK” kéo dài nhiều thập kỷ và mở ra một kỷ nguyên mới của sự đa dạng và cạnh tranh (Tâm N.T và cộng sự, 2024a).

Mục tiêu của bài viết này là cung cấp một phân tích toàn diện và sâu sắc về chính sách SGK của Việt Nam hiện nay. Bằng cách đặt chính sách này trong một khuôn khổ so sánh với các mô hình quốc tế, bài viết sẽ đánh giá một cách có hệ thống những thành tựu và thách thức của nó, từ đó rút ra những hàm ý chính sách mang tính xây dựng, không chỉ cho Việt Nam trong việc tiếp tục hoàn thiện công cuộc đổi mới, mà còn cung cấp những bài học kinh nghiệm quý báu cho các quốc gia đang phát triển khác đang trong quá trình chuyển đổi tương tự.

Một trong những thách thức, đồng thời cũng là cơ hội phân tích thú vị, nằm ở chính thuật ngữ “xã hội hóa”. Đây là một khái niệm đặc thù của Việt Nam, không có một từ tương đương trực tiếp trong các tài liệu quốc tế (Tâm N.T và cộng sự, 2023). Các nghiên cứu thường phải viện dẫn các khái niệm gần gũi như “tư nhân hóa” (Privatization), “hợp tác công-tư” (Public-Private Partnership - PPP), hay “tự do hóa” (Liberalization) để diễn giải. Sự khác biệt về mặt khái niệm này cho thấy chính sách của Việt Nam không phải là sự sao chép máy móc một mô hình từ bên ngoài, mà là một cách tiếp cận được điều chỉnh cho phù hợp với bối cảnh kinh tế-xã hội đặc thù, nơi cơ chế thị trường được vận hành song song với vai trò quản lý và định hướng của nhà nước. (Tâm N.T và cộng sự, 2023).

¹ Viện Khoa học giáo dục Việt Nam. Email: ducnm@vnies.edu.vn.

1. CÁC MÔ HÌNH CHÍNH SÁCH SÁCH GIÁO KHOA TRÊN THẾ GIỚI

1.1. Mô hình độc quyền do nhà nước kiểm soát (State-Controlled Monopoly)

Trong mô hình này, chính phủ, thông qua Bộ Giáo dục hoặc một cơ quan chuyên trách, kiểm soát toàn bộ chu trình của SGK, từ khâu biên soạn, thẩm định, in ấn cho đến phân phối. Chỉ có một bộ SGK duy nhất cho mỗi môn học được phép sử dụng trong toàn hệ thống giáo dục quốc dân. Mô hình này thường được biện minh bởi nhu cầu đảm bảo tính thống nhất của chương trình giảng dạy trên toàn quốc, duy trì sự đoàn kết dân tộc, và cung cấp SGK với giá cả phải chăng cho mọi học sinh. Tuy nhiên, sự độc quyền này thường đi kèm với những hạn chế cố hữu. Nó có thể dẫn đến tình trạng trì trệ, thiếu đổi mới và sáng tạo trong nội dung và phương pháp sư phạm. Quá trình cập nhật SGK thường chậm chạp, không theo kịp với sự phát triển của khoa học và xã hội. Hơn nữa, việc thiếu cạnh tranh có thể làm giảm hiệu quả sản xuất và tạo ra một sản phẩm duy nhất không thể đáp ứng được nhu cầu đa dạng của các nhóm học sinh và giáo viên ở các vùng miền khác nhau. Ngân hàng Thế giới (World Bank) cũng đã ghi nhận tình trạng thiếu hụt nghiêm trọng tài liệu học tập có thể xảy ra trong các hệ thống như vậy (Smart, A., & Jagannathan, S, 2018).

1.2. Mô hình thị trường mở (Liberalized Open-Market)

Ở thái cực đối lập với mô hình độc quyền nhà nước là thị trường mở. Tại đây, các nhà xuất bản thương mại có toàn quyền biên soạn, sản xuất và bán SGK trực tiếp cho các trường học hoặc người tiêu dùng dựa trên các ưu tiên thương mại. Vai trò của chính phủ được giảm thiểu, thường chỉ giới hạn ở việc tài trợ cho các nghiên cứu giáo dục hoặc đưa ra các hướng dẫn chung thay vì phê duyệt trực tiếp từng cuốn sách. Mô hình này thúc đẩy tối đa sự cạnh tranh, đổi mới và đa dạng hóa lựa chọn cho các trường học và giáo viên. Nó cho phép thị trường phản ứng nhanh nhạy với các nhu cầu mới và các tiến bộ trong khoa học giáo dục (Smart, A., & Jagannathan, S, 2018). Tuy nhiên, một thị trường hoàn toàn tự do cũng tiềm ẩn nhiều rủi ro. Giá SGK có thể biến động mạnh và trở nên đắt đỏ, tạo ra sự bất bình đẳng trong tiếp cận giữa các học sinh có điều kiện kinh tế khác nhau. Nếu không có cơ chế kiểm soát chất lượng hiệu quả, thị trường có thể xuất hiện những sản phẩm kém chất lượng, không phù hợp với chương trình giảng dạy hoặc thậm chí chứa đựng những nội dung sai lệch. (Tâm N.T và cộng sự, 2024a; 2024b).

1.3. Mô hình danh mục được phê duyệt (Approved-List Model)

Đây là mô hình phổ biến nhất ở châu Á và nhiều nước OECD, được xem là một giải pháp trung hòa giữa hai mô hình trên (Smart, A., & Jagannathan, S, 2018). Trong mô hình này, các nhà xuất bản tư nhân và thương mại được khuyến khích biên soạn SGK. Tuy nhiên, để được sử dụng trong trường học, các bộ sách này phải trải qua một quy trình thẩm định và phê duyệt nghiêm ngặt của Bộ Giáo dục dựa trên các tiêu chí do nhà nước đặt ra. Các trường học sau đó sẽ được quyền lựa chọn SGK từ danh mục đã được phê duyệt này. Mô hình này cố gắng kết hợp những ưu điểm của cả hai hệ thống: tận dụng sự năng động, cạnh tranh và đổi mới của thị trường tư nhân, đồng thời duy trì vai trò quản lý của nhà nước để đảm bảo chất lượng, sự phù hợp với chương trình giảng dạy và các giá trị cốt lõi của quốc gia. Đây được coi là một lộ trình chuyển đổi thực tế và an toàn từ hệ thống độc quyền nhà nước. Ví dụ, quy trình ở Indonesia yêu cầu một Ủy ban Đánh giá Quốc gia thẩm định sách dựa trên các tiêu chí về nội dung, ngôn ngữ, trình bày và an ninh quốc gia. Thách thức của mô hình này nằm ở việc xây dựng một quy trình thẩm định thực sự công bằng, minh bạch và hiệu quả, tránh nguy cơ quan liêu hoặc thiên vị. (Tâm N.T và cộng sự, 2024a; 2024b).

1.4. Các mô hình hỗn hợp (Mix model)

Nhiều quốc gia áp dụng các mô hình hỗn hợp, kết hợp các yếu tố từ những mô hình trên. Ví dụ, chính phủ có thể trực tiếp xuất bản SGK cho các môn học cốt lõi hoặc các cấp học nền tảng (như tiểu học), trong khi cho phép thị trường cạnh tranh ở các cấp học cao hơn hoặc các môn học tự chọn. Hàn Quốc là một trường hợp điển hình, nơi chính phủ vẫn phát triển một số SGK cho bậc tiểu học nhưng các trường được lựa chọn từ danh mục sách được phê duyệt ở các cấp học khác ((Smart, A., & Jagannathan, S, 2018)). Một xu hướng mới nổi đang định hình lại chính sách SGK là sự phát triển của SGK kỹ thuật số và các nền tảng học tập dựa trên Trí tuệ Nhân tạo (AI). Hàn Quốc một lần nữa là quốc gia tiên phong với kế hoạch triển khai SGK kỹ thuật số AI trên diện rộng. Tuy nhiên, xu hướng này cũng làm nảy sinh các cuộc tranh luận phức tạp về hiệu quả sư phạm, thời gian sử dụng thiết bị điện tử của học sinh, vấn đề bảo mật dữ liệu cá nhân và nguy cơ gia tăng bất bình đẳng kỹ thuật số (Tâm N.T và cộng sự, 2024a; 2024b). Thực tế, kế hoạch này ở Hàn Quốc gần đây đã phải điều chỉnh và thu hẹp quy mô do vấp phải sự phản đối từ phụ huynh và giáo viên, một bài học cảnh báo về tốc độ và cách thức áp dụng công nghệ trong giáo dục.

Bảng 1. Các mô hình chính sách sách giáo khoa quốc tế

Mô hình	Đặc điểm cốt lõi	Ưu điểm	Thách thức tiềm tàng	Quốc gia tiêu biểu
Độc quyền Nhà nước	Chính phủ kiểm soát toàn bộ chu trình biên soạn, thẩm định, in ấn và phân phối. Một bộ SGK duy nhất.	- Đảm bảo tính thống nhất chương trình. - Dễ quản lý. - Giá thành có thể được trợ cấp, phải chăng.	- Thiếu cạnh tranh, đổi mới, sáng tạo. - Cập nhật nội dung chậm. - Không đáp ứng nhu cầu đa dạng. - Có thể thiếu hụt nguồn cung.	Ấn Độ, Bangladesh, Iran, Kyrgyzstan, Tajikistan, Uzbekistan, Hungary...
Danh mục được phê duyệt	Các nhà xuất bản tư nhân biên soạn SGK. Bộ Giáo dục thẩm định và phê duyệt một danh mục. Trường học lựa chọn từ danh mục này.	- Kết hợp cạnh tranh thị trường và quản lý nhà nước. - Đa dạng hóa lựa chọn cho giáo viên/ học sinh. - Thúc đẩy nâng cao chất lượng. - Đảm bảo sự phù hợp với chương trình.	- Quy trình thẩm định có thể quan liêu, thiếu minh bạch. - Nguy cơ "lợi ích nhóm" ảnh hưởng đến lựa chọn. - Giá cả vẫn có thể là một vấn đề.	Mỹ (một số bang), Đức (hầu hết các bang), Áo, Cộng hòa Séc, Chile, Nhật Bản, Trung Quốc, Indonesia, Hồng Kông, Singapore, Việt Nam, Thổ Nhĩ Kỳ, Gruzia...
Hỗn hợp	Kết hợp các yếu tố của nhiều mô hình. Ví dụ: Nhà nước xuất bản SGK cấp tiểu học, thị trường	- Linh hoạt, phù hợp với các ưu tiên chiến lược của quốc gia. - Cho phép chuyển đổi từng bước.	- Có thể tạo ra sự căng thẳng giữa nhà xuất bản công và tư. - Đòi hỏi năng lực	Hàn Quốc, Ba Lan...

Mô hình	Đặc điểm cốt lõi	Ưu điểm	Thách thức tiềm tàng	Quốc gia tiêu biểu
	cạnh tranh ở cấp cao hơn.	- Nhà nước giữ vai trò chủ đạo ở các cấp học quan trọng.	quản lý phức tạp.	
Thị trường mở	Các nhà xuất bản thương mại tự do sản xuất và bán SGK trực tiếp cho trường học. Vai trò của chính phủ rất hạn chế.	- Tối đa hóa cạnh tranh, đổi mới và lựa chọn. - Phản ứng nhanh với nhu cầu thị trường. - Thúc đẩy quyền tự chủ cao của trường học.	- Bất bình đẳng trong tiếp cận SGK. - Giá cả có thể cao và biến động. - Khó kiểm soát chất lượng và nội dung.	Anh Quốc, Mỹ (một số bang), Úc, Pháp, Canada, Hà Lan, Thụy Điển, Đan Mạch, Phần Lan, Ý, Tây Ban Nha...

Nguồn: Dựa theo (Tâm N.T và cộng sự, 2024a; 2024b, tổng hợp theo Smart, A., & Jagannathan, S, 2018)

2. CHÍNH SÁCH SÁCH GIÁO KHOA TẠI VIỆT NAM HIỆN NAY

2.1. Nền tảng pháp lý

Chính sách SGK tại Việt Nam hiện nay được xây dựng trên một nền tảng pháp lý vững chắc, thể hiện sự quyết tâm chính trị của Đảng và Nhà nước trong việc đổi mới giáo dục. Các văn bản pháp quy quan trọng đã định hình nên chính sách này bao gồm:

Nghị quyết số 29-NQ/TW và Nghị quyết số 88/2014/QH13. Đây là những văn kiện khởi nguồn, đặt ra định hướng chiến lược về việc “đa dạng hóa tài liệu dạy và học...”, “thực hiện xã hội hóa biên soạn SGK; có một số SGK cho mỗi môn học”. Mục tiêu là phá vỡ thế độc quyền, tạo ra sự đa dạng trong tài liệu học tập và nâng cao chất lượng giáo dục.

Luật Giáo dục 2019. Đây là văn bản pháp lý cao nhất, chính thức hóa chính sách. Khoản b, Điều 32 của Luật quy định rõ: “Mỗi môn học có một hoặc một số SGK; thực hiện XHH việc biên soạn SGK; việc xuất bản SGK thực hiện theo quy định của pháp luật” (, 2024). Điều này đã tạo ra hành lang pháp lý cho sự tham gia của các tổ chức, cá nhân ngoài Nhà nước vào lĩnh vực trước đây do nhà nước độc quyền.

Nghị quyết 122/2020/QH14 và các văn bản liên quan. Các nghị quyết này tiếp tục làm rõ lộ trình, nhấn mạnh việc ưu tiên các tổ chức, cá nhân đủ năng lực biên soạn SGK và dần rút vai trò biên soạn trực tiếp của nhà nước. Cụ thể, “nếu mỗi môn học cụ thể đã hoàn thành ít nhất một bộ SGK được thẩm định, phê duyệt thì không triển khai biên soạn SGK sử dụng ngân sách nhà nước của môn học đó”.

Từ hệ thống pháp lý này, có thể xác định các mục tiêu cốt lõi của chính sách XHH SGK là: (1) Chuyển đổi từ cơ chế “một chương trình, một bộ SGK” sang “một chương trình, nhiều SGK”; (2) Huy động các nguồn lực xã hội, đặc biệt là khu vực tư nhân, tham gia vào quá trình biên soạn và xuất bản SGK; (3) Tạo ra một thị trường SGK cạnh tranh lành mạnh để nâng cao chất lượng và đa dạng hóa sản phẩm; và (4) Tăng cường quyền tự chủ của cơ sở giáo dục, giáo viên và phụ huynh trong việc lựa chọn tài liệu dạy và học (Tâm N.T và cộng sự, 2023; 2024a; 2024b).

2.2. Lộ trình triển khai chính sách

Quá trình triển khai chính sách SGK tại Việt Nam không phải là một lộ trình tĩnh mà đã thể hiện sự năng động và điều chỉnh liên tục để phù hợp với thực tiễn. Lộ trình áp dụng SGK mới theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 được thực hiện theo hình thức cuốn chiếu, bắt đầu từ lớp 1 năm học 2020-2021 và dự kiến hoàn thành ở tất cả các khối lớp vào năm học 2024-2025 (2024). Đáng chú ý là sự thay đổi trong cơ chế lựa chọn SGK, phản ánh quá trình tìm kiếm một mô hình quản trị phù hợp nhất.

- ✓ Giai đoạn 1 (Năm học 2020-2021): Quyền lựa chọn SGK được giao cho các cơ sở giáo dục, trao quyền tự chủ lớn cho các trường học (2024).
- ✓ Giai đoạn 2 (Năm học 2021-2022; 2022-2023; 2023-2024): Nhận thấy những bất cập có thể phát sinh, quyền lựa chọn được chuyển lên cấp Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh, thành phố, nhằm đảm bảo sự thống nhất và quản lý ở quy mô lớn hơn (2024).
- ✓ Giai đoạn 3 (Từ năm học 2024-2025): Theo quy định của Thông tư 27/2023/TT-BGDĐT, quyền lựa chọn SGK lại được trao về cho các cơ sở giáo dục, trong đó nhấn mạnh vai trò cốt lõi của giáo viên. Giáo viên là người trực tiếp nghiên cứu, thảo luận và đề xuất lựa chọn SGK cho môn học mình phụ trách, và hiệu trưởng chịu trách nhiệm cuối cùng về quyết định của trường (2024).

Sự điều chỉnh này cho thấy một quá trình hoạch định chính sách linh hoạt, có sự lắng nghe và phản ứng với các tín hiệu từ thực tiễn. Việc trao lại quyền lựa chọn cho giáo viên là một bước đi quan trọng, thể hiện sự tin tưởng vào năng lực chuyên môn của đội ngũ nhà giáo và củng cố mục tiêu tăng cường quyền tự chủ trong hoạt động dạy học.

2.3. Tác động tích cực và thành tựu

Thành tựu về Quản lý và thể chế

Thành tựu nổi bật nhất của chính sách là đã thành công trong việc **phá vỡ thế độc quyền** tồn tại nhiều năm trong lĩnh vực xuất bản SGK. Đây là mục tiêu được các đối tượng khảo sát đánh giá cao nhất trong khía cạnh quản lý. Việc mở cửa thị trường đã tạo ra một sân chơi mới, khuyến khích sự tham gia của nhiều nhà xuất bản, từ đó chấm dứt tình trạng tập trung hóa. (Tâm N.T và cộng sự, 2024a; 2024b; 2025a; 2025b)

Song song với đó, chính sách đã góp phần **nâng cao tính minh bạch và trách nhiệm giải trình**. Các bên liên quan đều thừa nhận rằng “quá trình lựa chọn nhà xuất bản, thẩm định và phê duyệt SGK được thực hiện công khai, minh bạch”, giúp “tăng cường niềm tin của xã hội”. Khi các nhà xuất bản phải cạnh tranh, họ buộc phải có trách nhiệm hơn với chất lượng sản phẩm của mình để giành được sự tin tưởng của người tiêu dùng (Tâm N.T và cộng sự, 2024a; 2024b; 2025a; 2025b).

Thành tựu về Kinh tế

Về mặt kinh tế, thành công lớn nhất của chính sách là **giảm áp lực chi phí cho ngân sách nhà nước**, một mục tiêu được đánh giá rất cao. Bằng cách huy động nguồn vốn từ khu vực tư nhân, nhà nước có thể tiết kiệm một khoản ngân sách đáng kể từ việc biên soạn và in ấn SGK, để tái đầu tư cho các lĩnh vực giáo dục quan trọng khác như xây dựng cơ sở vật chất hay đào tạo giáo viên. (Tâm N.T và cộng sự, 2024a; 2024b; 2025a; 2025b)

Chính sách cũng đã tạo ra một **thị trường SGK cạnh tranh và năng động hơn**. Sự tham gia của nhiều nhà xuất bản đã làm tăng nguồn “cung” SGK; tạo ra sự đa dạng về chủng loại và quy mô. Sự cạnh tranh này, dù còn những điểm cần hoàn thiện, đã bước đầu mang lại lợi ích cho người tiêu dùng. Một minh chứng rõ ràng là các nhà xuất bản đã bắt đầu có những động thái giảm giá bán SGK. Chẳng hạn, cho năm học 2024-2025, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam đã công bố giảm giá bìa từ 9.6% đến 11.2% cho các bộ

sách tái bản. Điều này cho thấy cơ chế thị trường đang bắt đầu phát huy tác dụng trong việc tối ưu hóa chi phí và mang lại lợi ích cho xã hội (Tâm N.T và cộng sự, 2024a; 2024b; 2025a; 2025b).

Thành tựu về Giáo dục

Thứ nhất, chính sách đã **đáp ứng thành công nhu cầu đa dạng về tài liệu dạy và học**, mục tiêu được đánh giá cao nhất trong khía cạnh giáo dục. Việc có nhiều bộ SGK giúp giáo viên và học sinh có thể lựa chọn tài liệu phù hợp nhất với năng lực, sở thích và điều kiện dạy học cụ thể. “Trước đây, chỉ có một bộ SGK nhưng giờ đây có nhiều lựa chọn khác nhau, từ nội dung đến hình thức, giúp GV và HS có thể linh hoạt hơn trong việc lựa chọn”. Điều này hiện thực hóa một cách mạnh mẽ tinh thần của Nghị quyết 29 về việc “đa dạng hóa tài liệu dạy và học” (Tâm N.T và cộng sự, 2024a; 2024b; 2025a; 2025b).

Thứ hai, và có lẽ là quan trọng nhất, chính sách đã trở thành một cú hích mạnh mẽ, **tăng cường quyền tự chủ và thúc đẩy sự sáng tạo của giáo viên**. Khi không còn bị bó buộc vào một bộ SGK duy nhất được coi là “pháp lệnh”, giáo viên được trao quyền để trở thành những nhà thiết kế chương trình giảng dạy thực thụ. Họ có thể lựa chọn, kết hợp và phát triển các nguồn học liệu khác nhau để xây dựng những bài giảng sinh động, phù hợp với đối tượng học sinh của mình. Sự tự chủ này không chỉ nâng cao vị thế nghề nghiệp mà còn khơi dậy niềm đam mê và sự sáng tạo trong mỗi nhà giáo. (Tâm N.T và cộng sự, 2024a; 2024b; 2025a; 2025b)

Thứ ba, chính sách đang góp phần thay đổi phương pháp dạy và học theo hướng tích cực, giúp **giảm tình trạng “học vẹt”**. Việc tiếp cận nhiều nguồn thông tin và các cách trình bày kiến thức khác nhau khuyến khích học sinh phát triển tư duy phản biện, so sánh và tổng hợp, thay vì chỉ ghi nhớ một cách máy móc. Đây là một bước tiến quan trọng để hiện thực hóa mục tiêu chuyển đổi từ giáo dục tiếp cận nội dung sang giáo dục phát triển năng lực của Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 (Tâm N.T và cộng sự, 2024a; 2024b; 2025a; 2025b).

Thành tựu về Xã hội

Chính sách SGK cũng đã tạo ra những tác động xã hội tích cực. Nó đã **tăng cường sự tham gia của các lực lượng xã hội vào hoạt động giáo dục** và bước đầu **tạo ra sự đồng thuận của các bên liên quan**. Các câu chuyện thực tế cho thấy sự hợp tác giữa nhà xuất bản, doanh nghiệp và các tổ chức địa phương trong việc cung cấp SGK miễn phí cho học sinh nghèo, thể hiện trách nhiệm xã hội và sự chung tay vì giáo dục. Hơn nữa, chính sách còn tạo điều kiện để các yếu tố văn hóa địa phương, vùng miền được đưa vào SGK, góp phần làm cho giáo dục trở nên gần gũi và có ý nghĩa hơn với học sinh (Tâm N.T và cộng sự, 2024a; 2024b; 2025a; 2025b).

Bảng 2. Các thành tựu chính của chính sách sách giáo khoa tại Việt Nam hiện nay

Phương diện	Thành tựu chính	Ý kiến trả lời phỏng vấn
Quản lý & Thể chế	Phá vỡ thế độc quyền, tập trung hóa.	“Trước đây, chỉ có một nhà xuất bản được quyền in SGK.”
	Nâng cao tính minh bạch và trách nhiệm giải trình.	“Quá trình lựa chọn nhà xuất bản, thẩm định và phê duyệt SGK được thực hiện công khai, minh bạch.”
Kinh tế	Giảm áp lực chi phí cho ngân sách nhà nước.	“Ngân sách nhà nước có thể tập trung cho các lĩnh vực khác, góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực.”

Phương diện	Thành tựu chính	Ý kiến trả lời phỏng vấn
	Tạo ra thị trường cạnh tranh, đa dạng hóa nguồn cung.	“Chính sách này đã tạo ra sự cạnh tranh giữa các nhà xuất bản, giúp nâng cao chất lượng SGK.”
Giáo dục	Tăng cường quyền tự chủ của giáo viên.	“Tăng quyền tự chủ và thúc đẩy sự sáng tạo, linh hoạt của giáo viên trong hoạt động dạy học.”
	Đáp ứng nhu cầu đa dạng về tài liệu dạy và học.	“Trước đây, chỉ có một bộ SGK nhưng giờ đây có nhiều lựa chọn khác nhau... giúp GV và HS có thể linh hoạt hơn.”
	Thúc đẩy sự sáng tạo của giáo viên.	“Việc khuyến khích HS chuyển từ việc tiếp cận thông tin một cách thụ động sang phát triển tư duy... là điều rất quan trọng.”
Xã hội	Tăng cường sự tham gia của các lực lượng xã hội.	“Chúng tôi đã phối hợp với các nhà xuất bản, doanh nghiệp... để cung cấp SGK miễn phí cho HS nghèo.”
	Tạo ra sự đồng thuận bước đầu của các bên liên quan.	“Sự đồng thuận này rất quan trọng để có thể cùng nhau tạo ra một hệ thống giáo dục vững mạnh.”

Nguồn: Tổng hợp và phân tích từ (Tâm N.T và cộng sự, 2024a; 2024b; 2025a; 2025b)

2.4. Những hạn chế và thách thức

Việc ghi nhận những thành tựu không có nghĩa là bỏ qua những thách thức và hạn chế mà chính sách đang đối mặt. Phân tích một cách xây dựng những vấn đề này là điều cần thiết để hoàn thiện chính sách. Những hạn chế này không nên được xem là sự thất bại của chủ trương, mà là những “con đau tăng trưởng” tất yếu của một cuộc “cải cách sâu rộng và nhanh chóng”.

Một trong những thách thức lớn nhất là **sự thiếu hụt về năng lực của các chủ thể thực thi**. Việc chuyển từ một hệ thống độc quyền, có sẵn sang một thị trường đa dạng lựa chọn đã đặt ra những yêu cầu năng lực mới mà cả giáo viên và cán bộ quản lý đều chưa được chuẩn bị đầy đủ. Dữ liệu khảo sát cho thấy “năng lực giáo viên chưa đáp ứng yêu cầu” và “năng lực của đội ngũ quản lý... còn hạn chế” là những nguyên nhân hàng đầu làm giảm hiệu quả chính sách Giáo viên, từ vai trò người thực thi một bộ SGK thống nhất có sẵn, nay phải trở thành người đánh giá, lựa chọn và tích hợp các nguồn học liệu khác nhau. Đây là một bước nhảy vọt về yêu cầu chuyên môn. Các kết quả nghiên cứu cũng chỉ ra “tâm lý ngại thay đổi, sự chưa sẵn sàng của giáo viên” là một rào cản đáng kể. Điều này cho thấy một khoảng trống trong quá trình hoạch định chính sách: sự thay đổi về cấu trúc thị trường đã đi nhanh hơn sự phát triển về năng lực con người (Tâm N.T và cộng sự, 2024a; 2024b; 2025a; 2025b).

Thách thức thứ hai là **sự thiếu đồng bộ về cơ sở vật chất và trang thiết bị dạy**. SGK mới được thiết kế theo hướng hiện đại, tích hợp các hoạt động thực hành, thí nghiệm và ứng dụng công nghệ thông tin. Tuy nhiên, nhiều trường học, đặc biệt ở vùng sâu, vùng xa, lại không có đủ trang thiết bị, phòng thí nghiệm,

hay thậm chí là kết nối internet ổn định để triển khai hiệu quả những nội dung này. Sự thiếu đồng bộ này làm cho những ý tưởng sư phạm tiên tiến trong SGK không thể được hiện thực hóa, làm giảm hiệu quả của cả bộ sách lẫn nỗ lực đổi mới của giáo viên (Tâm N.T và cộng sự, 2024a; 2024b; 2025a; 2025b).

Thứ ba, **khung pháp lý và các cơ chế điều tiết thị trường vẫn còn những khoảng trống**. Mặc dù đã có các luật và nghị quyết ở tầm vĩ mô, nhưng các văn bản hướng dẫn chi tiết, cụ thể để điều tiết một thị trường SGK mới hình thành vẫn chưa hoàn thiện. Đây được xem là một trong những nguyên nhân chính làm giảm hiệu quả chính sách. Các vấn đề như “sự cạnh tranh không lành mạnh giữa các nhà xuất bản” hay giá SGK tăng cao so với trước đây đã gây ra những lo ngại trong xã hội, buộc các cơ quan quản lý phải can thiệp, ví dụ như việc Quốc hội và Chính phủ chỉ đạo xây dựng giá trần cho SGK (Tâm N.T và cộng sự, 2024a; 2024b; 2025a; 2025b).

Cuối cùng, **nhận thức xã hội và công tác truyền thông chính sách chưa theo kịp**. Việc thiếu truyền thông đầy đủ và chính xác đã dẫn đến “nhận thức không đầy đủ, không chính xác của xã hội về chính sách”, tạo ra những ý kiến trái chiều và làm giảm sự đồng thuận (Tâm N.T và cộng sự, 2024a; 2024b; 2025a; 2025b). Nhiều phụ huynh và thậm chí cả giáo viên vẫn chưa hiểu hết mục tiêu và lợi ích của việc có nhiều bộ SGK, dẫn đến tâm lý hoang mang hoặc chỉ tập trung vào vấn đề giá cả mà bỏ qua những giá trị giáo dục mà sự đa dạng mang lại.

3. HÀM Ý CHÍNH SÁCH VÀ ĐỀ XUẤT CHO VIỆT NAM

Từ những phân tích về thực trạng chính sách SGK tại Việt Nam và đối sánh với kinh nghiệm quốc tế, có thể rút ra những hàm ý chính sách và bài học kinh nghiệm quan trọng. Các đề xuất này không nhằm mục đích đảo ngược cải cách, mà tập trung vào việc củng cố, hoàn thiện và nâng cao hiệu quả của con đường đã chọn.

3.1. Củng cố thành tựu bằng việc tăng cường nền tảng cho một thị trường cạnh tranh và công bằng

Thành tựu lớn nhất của chính sách là đã tạo ra một thị trường SGK cạnh tranh. Nhiệm vụ trong tương lai là nuôi dưỡng và điều tiết thị trường này để nó phát triển một cách lành mạnh và bền vững. Tiếp tục thúc đẩy môi trường cạnh tranh nhưng phải tăng cường mạnh mẽ công tác giám sát để ngăn chặn các hành vi “cạnh tranh không lành mạnh”. Điều này bao gồm việc hoàn thiện và áp dụng hiệu quả cơ chế giá trần đối với SGK, một công cụ đã được Quốc hội và Chính phủ thông qua, nhằm hài hòa lợi ích giữa nhà xuất bản và người tiêu dùng, đảm bảo SGK không trở thành gánh nặng cho các gia đình. Các tiêu chí thẩm định và lựa chọn SGK cần được công khai, minh bạch và áp dụng nhất quán cho tất cả các nhà xuất bản. Đồng thời cần có một lộ trình rõ ràng về vai trò của Nhà nước. Trong giai đoạn đầu, vai trò này là cần thiết để định hướng thị trường. Tuy nhiên, trong dài hạn, khi thị trường tự nhân đã đủ trưởng thành, ổn định và có năng lực, vai trò của nhà nước nên dần chuyển trọng tâm từ một “người tham gia” sang một “trọng tài” và “người giám sát chất lượng”, tập trung vào việc xây dựng chương trình, ban hành tiêu chuẩn và hậu kiểm chất lượng.

3.2. Thu hẹp khoảng trống năng lực đội ngũ bằng các ưu tiên trọng điểm cho việc phát triển chuyên môn

Sự thành công của chính sách phụ thuộc vào năng lực của những người thực thi nó. Khoảng trống về năng lực của giáo viên và cán bộ quản lý là nút thắt lớn nhất hiện nay. Cần tiếp tục triển khai các chương trình đào tạo, bồi dưỡng quy mô lớn và có hệ thống cho cả giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục các cấp. Nội dung đào tạo phải vượt ra ngoài việc hướng dẫn sử dụng một bộ sách cụ thể. Nó phải tập trung trang bị các kỹ năng sư phạm hiện đại cần thiết để hoạt động trong một môi trường đa dạng học liệu: kỹ năng

đánh giá, so sánh và lựa chọn SGK; kỹ năng thiết kế bài dạy tích hợp từ nhiều nguồn; và kỹ năng tổ chức các hoạt động học tập phát triển năng lực. Bên cạnh đó, xây dựng và ban hành các chính sách và cơ chế cụ thể để khắc phục “tâm lý ngại thay đổi” và tạo động lực cho giáo viên. Việc trao quyền lựa chọn SGK cho giáo viên từ năm học 2024-2025 là một bước đi đúng đắn. Cần tiếp tục củng cố cơ chế này bằng cách tạo ra các diễn đàn sinh hoạt chuyên môn, các cộng đồng học tập để giáo viên chia sẻ kinh nghiệm, hỗ trợ lẫn nhau. Đồng thời, cần có chính sách khen thưởng, ghi nhận những giáo viên và nhà trường có sáng kiến đổi mới trong việc sử dụng SGK, tạo ra một văn hóa khuyến khích sự sáng tạo.

3.3. Tiếp tục hoàn thiện khung pháp lý và các điều kiện đảm bảo cho việc thực hiện chính sách

Một chính sách tốt cần một khung pháp lý và hệ thống các điều kiện đảm bảo vững chắc để vận hành. Tiếp tục bổ sung, hoàn thiện và ban hành các văn bản pháp quy dưới luật (Nghị định, Thông tư) để hướng dẫn chi tiết việc thực thi chính sách. Các văn bản này cần làm rõ vai trò, trách nhiệm, quy trình và cơ chế phối hợp giữa các bên: Bộ GD&ĐT, các Sở GD&ĐT, các nhà xuất bản và các cơ sở giáo dục. Quá trình xây dựng các văn bản này phải dựa trên các bằng chứng khoa học và tham vấn rộng rãi các bên liên quan. Đồng thời xây dựng một chiến lược quốc gia nhằm đảm bảo sự đồng bộ giữa SGK và các điều kiện cơ sở vật chất, thiết bị dạy học cần thiết. Việc đầu tư cho thiết bị không thể là một hoạt động bị động, chạy theo sau khi SGK đã được ban hành. Nó phải được tích hợp vào kế hoạch và ngân sách giáo dục hàng năm, đảm bảo rằng khi một bộ SGK mới được đưa vào sử dụng, các trường học đã có đủ các công cụ cần thiết để triển khai nó một cách hiệu quả nhất.

3.4. Tầm nhìn dài hạn về xây dựng văn hóa chất lượng và phát triển chính sách dựa trên bằng chứng

Để chính sách đi vào cuộc sống một cách bền vững, cần có sự ủng hộ của toàn xã hội. Rõ ràng, cần triển khai các chiến dịch truyền thông dài hạn, đa kênh và chuyên nghiệp để xây dựng sự đồng thuận xã hội, giúp công chúng hiểu đúng và đầy đủ về mục tiêu, lợi ích và cả những thách thức của chính sách. Cần chủ động cung cấp thông tin, giải thích rõ ràng về các vấn đề được quan tâm như chất lượng và giá cả, thay vì để các thông tin sai lệch lan truyền.

Để đảm bảo tính bền vững và hiệu quả lâu dài của cải cách, việc ra quyết định phải dựa trên những bằng chứng xác thực, thay vì chỉ dựa trên các báo cáo hành chính hoặc nhận định cảm tính. Việc triển khai các nghiên cứu đánh giá tác động chính sách một cách khoa học, độc lập và định kỳ là hết sức cần thiết. Chúng cung cấp những dữ liệu khách quan về hiệu quả, tác động của chính sách trong thực tiễn triển khai. Kết quả từ các nghiên cứu đánh giá này phải được xem là nguồn thông tin đầu vào cốt lõi cho chu trình hoạch định chính sách tiếp theo. Chúng giúp các nhà quản lý xác định chính xác những “điểm nghẽn” của chính sách, phân tích nguyên nhân gốc rễ của các thách thức, từ đó đưa ra các quyết định điều chỉnh một cách phù hợp và hiệu quả. Việc này sẽ giúp Việt Nam chuyển từ mô hình “cải cách theo từng đợt” sang một mô hình “cải tiến liên tục”, nơi chính sách luôn được tinh chỉnh dựa trên những bằng chứng thực tiễn vững chắc.

KẾT LUẬN

Chính sách sách giáo khoa hiện nay tại Việt Nam có thể coi là một cuộc “cải cách” táo bạo nhưng cần thiết và mang tính bước ngoặt của ngành giáo dục Việt Nam. Nó không chỉ đưa Việt Nam hội nhập với các xu hướng tiên bộ của giáo dục thế giới mà còn mang lại những thành tựu ban đầu rất đáng khích lệ. Việc phá vỡ thành công thế độc quyền của nhà nước đã mở đường cho một thị trường SGK đa dạng hơn, tạo ra nhiều lựa chọn phong phú cho người dạy và người học, giảm bớt gánh nặng cho ngân sách nhà

nước, và quan trọng hơn cả là đã trao quyền tự chủ, khơi dậy tinh thần sáng tạo cho đội ngũ giáo viên trên cả nước. Đây là những kết quả tích cực, là nền tảng vững chắc cho những bước phát triển tiếp theo.

Tuy nhiên, như bất kỳ một cuộc cải cách sâu rộng nào, chính sách cũng bộc lộ những thách thức và hạn chế trong quá trình triển khai. Những thách thức này, từ khoảng trống về năng lực của đội ngũ thực thi, sự thiếu đồng bộ về cơ sở vật chất, đến những bất cập trong khung pháp lý điều tiết, không phản ánh sự sai lầm trong chủ trương mà là hệ quả tất yếu của một quá trình chuyển đổi nhanh chóng. Chúng cho thấy một bài học quan trọng trong hoạch định chính sách: sự thay đổi về cấu trúc thị trường phải được tiến hành song song và đồng bộ với việc đầu tư vào năng lực con người và các điều kiện các điều kiện đảm bảo cần thiết.

Nhìn về tương lai, con đường phía trước đòi hỏi một cách tiếp cận toàn diện và kiên trì. Bằng cách tập trung vào việc hoàn thiện khung pháp lý để tạo ra một sân chơi công bằng, đầu tư chiến lược vào việc đào tạo và phát triển năng lực cho giáo viên và cán bộ quản lý, đảm bảo sự đồng bộ về cơ sở vật chất, và xây dựng sự đồng thuận xã hội thông qua truyền thông minh bạch, Việt Nam hoàn toàn có thể vượt qua những thách thức hiện tại. Việc tiếp tục theo đuổi và hoàn thiện chính sách này không chỉ giúp nâng cao chất lượng và sự công bằng của nền giáo dục nước nhà, mà còn giúp Việt Nam xây dựng một mô hình cải cách “cạnh tranh có quản lý” độc đáo, mang lại những bài học kinh nghiệm quý báu cho các quốc gia đang phát triển khác trên thế giới.

Tài liệu tham khảo

1. Ban chấp hành trung ương Đảng (2013). Nghị quyết số 29 – NQ/TW về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.
2. Bộ Giáo dục & Đào tạo, Trung tâm Truyền thông và sự kiện (2023). XHH xuất bản SGK: Một thành tựu của đổi mới giáo dục. Truy cập tại: <https://moet.gov.vn/tintuc/Pages/tin-tong-hop.aspx?ItemID=9018>
3. Quốc hội (2014). Nghị quyết số 88/2014/QH13 về đổi mới chương trình, SGK giáo dục phổ thông.
4. Quốc hội (2017). Nghị quyết số 51/2017/QH14 về Điều chỉnh lộ trình thực hiện chương trình, SGK giáo dục phổ thông mới theo Nghị quyết số 88/2014/QH13 ngày 28 tháng 11 năm 2014 của Quốc hội về đổi mới chương trình, SGK giáo dục phổ thông.
5. Quốc hội (2019). Luật số 43/2019/QH14. Luật Giáo dục.
6. Smart, A., & Jagannathan, S. (2018). Textbook policies in Asia: Development, publishing, printing, distribution, and future implications. Publisher: Manila: Asian Development Bank.
7. Tâm N.T, Lê Anh Vinh, Đặng Thị Minh Hiền, Nguyễn Bích Diệp & Nguyễn Anh Đức (2023). Làm rõ nội hàm “Chính sách xã hội hóa xuất bản sách giáo khoa” tại Việt Nam trong bối cảnh thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018. Tạp chí Giáo dục, 23(22), tr.35-40.
8. Tâm N.T, Lê Anh Vinh, Đặng Thị Minh Hiền (Đồng chủ biên) và cộng sự (2024a). Hiệu quả của chính sách xã hội hóa xuất bản sách giáo khoa phổ thông tại Việt Nam – Một số vấn đề lý luận và thực tiễn. Nxb Lao Động.
9. Tâm N.T và cộng sự (2024b). Đánh giá hiệu quả chính sách xã hội hóa xuất bản sách giáo khoa phổ thông tại Việt Nam. Đề tài cấp Bộ mã số B2023-VKG-31.
10. Tâm, N. T., Vinh, L. A., Đức, N. M., Thắm, P. T. H., Hiền, Đặng T. M., & Diệp, N. B. (2025a). Evaluating the Effectiveness of Textbook Policy in Vietnam: A Grounded Research. Journal of Ecohumanism, 4(1), 1001 – 1012. <https://doi.org/10.62754/joe.v4i1.5905>
11. Tam, N. T, Duc, N. M., Ha, T. H., Thi, H. C., & Nguyen, T. T. H. (2025b). Textbook Policy of Vietnam: Critical Study and a Way-Forward towards Transformation. Journal of Posthumanism, 5(3), 883–898. <https://doi.org/10.63332/joph.v5i3.810>